

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2020/HS-PT

Ngày: 11/03/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Hồng Phúc;

Ông Thái Duy Nhiệm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Nga, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Trung Quy, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 03 năm 2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 883/2019/TLPT-HS ngày 06 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo Mai Văn A và Nguyễn Văn B phạm tội “Cướp tài sản” do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 296/2019/HS-ST ngày 25 tháng 09 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Mai Văn A, sinh năm 1990; nơi ĐKNKTT: Thôn XT, xã GP, huyện BT, tỉnh Lào Cai; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Mai Thanh C; Con bà Phạm Thị D; Gia đình có 05 anh chị em, bị can là con thứ tư; Vợ: Nguyễn Thị Thùy E - sinh năm 1995; Con: Có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: 01 lần bị kết án (*Bản án số 03/HSST ngày 05/01/2010 của Tòa án nhân dân thành phố F, tỉnh Lào Cai xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản*); bị bắt, tạm giam từ ngày 13/7/2018; có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo Mai Văn A:* Luật sư Lê Quốc G, Luật sư Công ty luật TNHH A1 thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn B, sinh năm 1990; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn QT, xã VC, huyện HĐ, thành phố Hà Nội; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn H; Con bà Nguyễn Thị I; Gia đình có 02 anh em, bị can

là con thứ lớn; Vợ: Hoàng Thị J; Con: Có 02 con; lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam từ ngày 13/7/2018; có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn B*: Luật sư Hoàng Ngọc Thanh J thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo Nguyễn Bá K, Phạm Văn L và người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2018, anh Nguyễn Văn M (sinh năm 1996; trú tại thôn QT, xã VC, huyện HĐ, thành phố Hà Nội) có quan hệ quen biết với Mai Văn A. Do cần tiền để mua xe máy làm phương tiện đi lại nên khoảng tháng 5/2018, anh M có vay A số tiền là 50.000.000 đồng. Khi vay tiền, anh M và A không lập giấy tờ xác nhận, không hẹn ngày trả. Sau đó, anh M tiếp tục vay tiền của A 03 lần nữa với tổng số tiền khoảng 17.000.000 đồng, các lần vay tiền này đều không lập giấy tờ xác nhận. Đến cuối tháng 6/2018, anh M đến gặp A tại Phòng 305, nhà nghỉ HS ở thôn QT, xã VC, huyện HĐ, Hà Nội để vay tiếp số tiền 3.000.000 đồng, mục đích đi chuộc điện thoại cho vợ đang đặt ở cửa hàng cầm đồ. Lúc này, A yêu cầu anh M phải viết Giấy vay tiền với nội dung: “Ngày 01/5/2018, anh M vay 200.000.000 đồng cho cả 5 lần vay và hẹn ngày 30/7/2018 trả”. Anh M thấy tổng số tiền vay của A tất cả chỉ khoảng 70.000.000 đồng nhưng A bắt viết giấy ghi vay 200.000.000 đồng là không đúng thực tế, nhưng do đang cần tiền nên anh M đồng ý viết Giấy vay nợ theo yêu cầu của A. Tuy nhiên khi viết giấy, anh M đã cố tình viết sai trong giấy vay tiền, nội dung bên cho vay là anh M và bên vay là A để tờ giấy vay đó không có giá trị. A không phát hiện ra việc viết sai trên nên cầm giấy và đưa 3.000.000 đồng cho anh M vay.

Dù chưa đến ngày hẹn trả tiền ghi trên Giấy vay tiền nhưng A đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng của anh M nên khoảng 14 giờ ngày 11/7/2018, A gọi điện thoại cho anh M hỏi anh M đang ở đâu để hẹn gặp nói chuyện. Lúc này, anh M đang đi cùng anh Nguyễn Văn O (là anh họ của anh M), anh M hẹn gặp A tại cổng Công viên TĐBS trên đường LTT thuộc xã AK, huyện HĐ, Hà Nội. Sau khi hẹn được anh M, A rủ các đối tượng quen biết gồm: Nguyễn Bá K, Phạm Văn L và Nguyễn Văn B đi cùng để đòi tiền; đồng thời thuê anh Cao Xuân P lái xe ô tô Taxi hiệu Hyundai I10 mang biển kiểm soát 30F-11617 chở A, K, L và B đi gặp anh M. Trên đường đi, A nói với B: “*Nó nợ tiền em, xuống gặp nó nói chuyện tiền nong*”. Khi xe Taxi do anh P chở A, K, L và B đi đến cổng Công viên TĐBS, tất cả thấy anh M cùng anh O đang ngồi uống nước tại quán

của chị Nguyễn Thị Q. A và L xuống xe ô tô trước đi bộ sang đường; còn B và K vẫn ngồi trên xe ô tô để anh P lái xe sang đường đỗ cạnh quán nước của chị Q. Khi gặp anh M, A yêu cầu trả tiền nợ. Do chưa có tiền và sợ bị đánh nên anh M nói với A “*Chưa có tiền*”. Cùng lúc này, B và L xuống xe ô tô. B đi đến chỗ anh M đang ngồi, dùng tay phải tát 01 cái vào mặt anh M và quát: “*Lên xe*”. Anh M sợ bị đánh không dám lên xe ô tô của anh P mà mượn điện thoại của L gọi cho chị Nguyễn Thị S (sinh năm 1979, là mẹ anh M) bảo chị S đến giải quyết việc vay nợ tiền của A. Do chị S đang đi chợ không đến ngay được nên anh M xin nhóm A chờ chị S đến để trả tiền nhưng A không đồng ý. A bắt anh M phải trả tiền và nói với anh M: “*Đi ra QO, tao thuê cho mày cái xe để đi cầm lấy tiền trả tao*”. Ngay lúc này, B dùng tay phải tát 01 cái vào mặt anh O đang đứng cạnh anh M để dọa anh M rồi cùng L lôi anh M ra xe Taxi. Khi anh M bị B và L đưa ra đến gần xe Taxi của anh P thì anh M vùng ra và bỏ chạy sang bên đường. Thấy vậy, A hô: “*Đ. mẹ, chúng mày bắt lấy nó*”. Nghe tiếng A hô thì K, L cùng B chạy đuổi theo anh M. Anh M chạy được khoảng 30 - 40m thì bị L đuổi kịp tóm vào áo sau lưng làm anh M ngã xuống vỉa hè. L cùng K, A và B xúm vào dùng chân đá liên tiếp vào người anh M. Sau đó, K vẫy được 01 chiếc xe Taxi rồi đưa anh M vào ngồi trong ghế sau. K và L mỗi người ngồi một bên, B ngồi ghế phụ để đưa anh M đi lên huyện QO; còn A lên xe Taxi của anh P đi sau. Trên đường đi, A bảo tất cả vào quán bia “HT” ở khu DG2, thị trấn QO, huyện QO để tìm nơi bắt anh M thuê xe ô tô đem đặt lấy tiền. Tại đây, B gọi điện thoại cho một người quen tên T (chưa xác định được nhân thân) nhờ T đến quán bia nhờ tìm người cho anh M thuê xe ô tô để đi đặt lấy tiền trả A. Một lúc sau, anh T đi cùng một người nữa đến (chưa xác định được nhân thân) gặp B và trả lời không thuê được xe ô tô ở thị trấn QO rồi đi về. Lúc này, L đưa cho anh M điện thoại của mình và yêu cầu anh M tiếp tục gọi cho mẹ đến trả nợ. Do đợi lâu không thấy người nhà của anh M đến nên A cùng B, K và L đưa anh M lên xe ô tô của anh P đi về thôn NC, xã AK, huyện HD để tìm chỗ cho thuê xe ô tô bắt anh M thuê, rồi đặt xe lấy tiền.

Trên đường đi, A bảo anh P chở về nhà nghỉ HS ở thôn QT, xã VC, huyện HD, rồi bảo L lên phòng 305 của nhà nghỉ (là nơi A thuê ở) lấy giấy cho vay tiền do anh M viết cho A trước đó để cầm theo. Sau đó, tất cả đưa anh M vào quán bia TC của chị Phạm Thị H1 ở thôn NC, xã AK, huyện HD. Tại đây, A gọi điện thoại cho anh Chu Chí V (sinh năm 1973; trú tại thôn NC, xã AK, huyện HD, Hà Nội) nhờ anh V tìm chỗ cho thuê xe ô tô. Anh V đi xe máy đến quán bia TC rồi dẫn đường cho anh P chở A, B và anh M đến nhà anh Chu Hưng T1 (sinh năm 1986; trú tại thôn NC, xã AK, huyện HD, Hà Nội; là người làm nghề cho thuê xe ô tô). Tại nhà anh T1, A và B hỏi anh T1 cho anh M thuê xe ô tô nhưng vì anh M không có bằng lái xe ô tô nên anh T1 không đồng ý. A và B tiếp tục đưa anh M quay lại quán bia TC. Tại đây, A giở giấy vay nợ của anh M ra để đòi tiền thì phát hiện anh M viết A là bên vay còn anh M là bên cho vay nên A bắt anh M viết lại “*Giấy cho vay tiền*” theo mẫu do A đã chuẩn bị từ trước. B mượn bút bi màu xanh của

chị Hằng đưa cho anh M rồi bắt anh M viết. Anh M viết xong thì A giữ cả 02 tờ Giấy vay tiền. Thấy việc bắt anh M đi thuê xe để cầm cố lấy tiền trả không hiệu quả nên A bắt anh M viết thêm 01 *Giấy mượn xe máy* có nội dung anh M mượn chiếc xe máy hiệu Honda SH mang biển kiểm soát 29D1 - XXXXX (biển kiểm soát xe do A tự nghĩ ra và bắt anh M viết để sợ phải trả tiền). Do sợ bị đánh nên anh M phải viết theo nội dung yêu cầu của A. Sau khi viết xong, A cầm giấy rồi cho anh M về. Còn A đến nhà anh Nguyễn Văn Đ1 (là anh vợ của A) ở thôn QT, xã VC, huyện HĐ để nhờ anh Đ1 giữ hộ “Giấy mượn xe máy” và 02 “Giấy cho vay tiền”. Anh M sau khi được A cho về đã đến Công an huyện HĐ để trình báo sự việc.

Ngày 14/7/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện HĐ đã tiến hành bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Mai Văn A, Nguyễn Văn B, Nguyễn Bá K và Phạm Văn L về hành vi Cướp tài sản. Tại Cơ quan điều tra, các bị can A, B, K và L đã khai nhận hành vi phạm tội. Cùng ngày, anh Nguyễn Văn Đ1 đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 03 tờ giấy mà A giao nhờ giữ hộ, gồm: 02 giấy cho vay tiền, 01 giấy mượn xe máy SH.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ án do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện HĐ, thành phố Hà Nội thực hiện ngày 14/7/2018, xác định:

“... Hiện trường ban đầu xảy ra vụ việc ngày 11/7/2018 là tại vỉa hè trục đường LTT thuộc địa phận xã AK, huyện HĐ, Hà Nội... bên phải đường LTT, hướng đường HĐ đi ĐLTL, vỉa hè có chiều rộng 7,7m... tại quán bán hàng nước của bà Nguyễn Thị Q, anh M đang ngồi uống nước thì bị một nam thanh niên đến kéo anh M lên xe ô tô đỗ cạnh đó. Anh M không lên, đã bị hai thanh niên là K và L kéo ra xe, rồi đâm đá anh. Sau đó, anh M vùng bỏ chạy được khoảng 30m thì bị bắt, A, K và L lại tiếp tục dùng chân tay đâm, đá anh M và bắt lên xe ô tô”.

“... Tại quán Lẩu nướng Hải sản của gia đình chị Phạm Thị H1, sinh năm 1989, ở thôn NC, xã VC, HĐ, Hà Nội. Quán lẩu nướng được thiết kế là 02 tầng và 01 tum. Tại tầng 1 của quán, có kê 3 dãy bàn ghế. Vị trí anh M ngồi và bị bắt viết Giấy vay tiền là bàn ghế nhựa cách chân cầu thang tầng 1 về hướng nam là 4,6m và vị trí này cách cột mốc bê tông biển báo ghi chữ QO 11km về hướng Đông là 9,2m”. Quá trình khám nghiệm, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 bút bị mực màu xanh, đã qua sử dụng do chị Phạm Thị H1 nộp.

Tại Kết luận giám định số 5958 ngày 12/12/2018 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận:

“...5.1. Chữ ký đứng tên Nguyễn Văn M trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 so với chữ ký của Nguyễn Văn M trên mẫu so sánh ký hiệu M do cùng một người ký ra.

5.2. Người có mẫu chữ gửi đến giám định đứng tên Nguyễn Văn M trên mẫu so sánh ký hiệu M không viết ra các chữ tại dòng viết thứ 3,4,8,9,10 tính từ trên xuống trên mẫu cần giám định ký hiệu A2; Các chữ tại dòng chữ viết thứ

3,4,5,6 tính từ trên xuống trên mẫu cần giám định ký hiệu A3; Các chữ “Mai Văn A”, “Mai Văn A” dưới mục “BÊN CHO VAY” và các chữ “Phạm Văn L” dưới mục “người làm chứng” trên hai mẫu cần giám định ký hiệu A2, A3.

5.3. Chữ viết đứng tên Nguyễn Văn M trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 và chữ viết trên các mẫu cần giám định ký hiệu A2, A3 (trừ các chữ “người làm chứng”, “Kí tên” và các chữ đã kết luận ở mục 5.2) so với chữ viết của Nguyễn Văn M trên mẫu so sánh ký hiệu M do cùng một người viết ra.”

Tại Kết luận giám định số 3171 ngày 24/5/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội, kết luận:

“...1. Chữ viết tại các dòng được đánh số 3,4 từ 8 đến 10 và chữ ký dạng viết tên “A”, chữ viết dòng họ tên Mai Văn A dưới chữ ký trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A1) là chữ do người có mẫu chữ viết đứng tên Nguyễn Văn B trên mẫu so sánh (Ký hiệu M1) viết ra.

2. Chữ viết tại các dòng được đánh số thứ tự từ 3 đến 6 trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A2); Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Mai Văn A dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu A2, A3) là chữ do người có mẫu chữ viết, chữ ký đứng tên Mai Văn A trên mẫu so sánh (Ký hiệu M2) viết và ký ra.

3. Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Phạm Văn L dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ A1 đến A3) là chữ do người có mẫu chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Văn L trên mẫu so sánh (Ký hiệu M3) ký và viết ra.”

Tại bản Kết luận giám định số 982 ngày 29/3/2019 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận:

“... Viện khoa học hình sự không đủ cơ sở để kết luận mục viết nội dung trên giấy cho vay tiền và mục viết nội dung trên giấy mượn xe máy có cùng loại với mục của bút bi thu giữ của chị Phạm Thị H1 gửi giám định hay không.”

Tại Biên bản xác minh của Cơ quan điều tra tại Bệnh viện đa khoa huyện QO ngày 12/7/2018, xác định thương tích của anh Nguyễn Văn M như sau:

“... Tại vị trí tai, cổ bên trái có vết bầm tím nhẹ, không chảy máu tai. Ngực trái khoang liên sườn 6,7 giữa xương đòn có vết trầy sát kích thước khoảng 01cm, lồng ngực vững. Vai bên phải có vết xây sát nhẹ khoảng 01cm, vận động cánh tay phải K thường.”

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện HĐ đã quyết định trưng cầu giám định tỷ lệ thương tích của anh Nguyễn Văn M do các bị can Mai Văn A, Phạm Văn L, Nguyễn Văn B và Nguyễn Bá K đánh gây ra. Tuy nhiên, anh M từ chối việc đi giám định thương tích và không yêu cầu các bị can phải bồi thường tiền điều trị thương tích.

Tại Cơ quan điều tra, anh Nguyễn Văn M khai đã nhiều lần vay tiền của Mai Văn A, tổng số tiền khoảng 70.000.000 đồng. A khai đã cho anh M vay 04 lần, tổng số tiền là 165.500.000 đồng không tính tiền lãi và đã đánh, bắt anh M phải viết giấy

vay nợ số tiền là 200.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa Mai Văn A và anh Nguyễn Văn M nhưng bị can A và anh M đều giữ A lời khai ban đầu.

Đối với hành vi bắt giữ anh M của Mai Văn A, Nguyễn Văn B, Nguyễn Bá K, Phạm Văn L có dấu hiệu của tội phạm: Bắt giữ người trái pháp luật. Cơ quan điều tra xác định hành vi bắt giữ anh M của các bị can là thủ đoạn dùng vũ lực để thực hiện hành vi Cướp tài sản, không cần thiết khởi tố hành vi này với tội danh độc lập nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với anh Nguyễn Văn Đ1, là người được A nhờ cất giữ hộ 02 Giấy cho vay tiền và 01 Giấy mượn xe do anh Nguyễn Văn M viết. Kết quả điều tra xác định anh Đ1 không chứng kiến việc A và đồng bọn đánh, ép buộc anh M phải viết giấy nhận nợ để chiếm đoạt tài sản. Do đó hành vi nêu trên của anh Đ1 không phạm tội Che giấu tội phạm hoặc tội Không tố giác tội phạm nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với anh Cao Xuân P, là người làm nghề lái xe Taxi, đã điều khiển xe ô tô chở các đối tượng A, B, K và L đi gặp anh M để cướp tài sản. Tại Cơ quan điều tra, anh P khai chỉ là người làm thuê, không biết các bị can thực hiện hành vi cướp tài sản của anh M. Do đó, hành vi của anh P không đồng phạm với các bị can về tội Cướp tài sản, không phạm Không tố giác tội phạm hoặc tội Che giấu tội phạm nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với các anh Chu Chí V và Chu Hưng T1: Anh V là người dẫn A, B cùng anh M đến gặp anh T1 để A và B bàn với anh T1 về việc cho anh M thuê xe. Anh V và anh T1 không biết mục đích chiếm đoạt tài sản của A và đồng bọn nên không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Cướp tài sản và tội Không tố giác tội phạm.

Quá trình A cùng B, K và L đánh anh Nguyễn Văn M tại cổng Công viên TĐBS để cướp tài sản, B có dùng tay tát 01 cái vào mặt Nguyễn Văn O. Do bị đánh nhẹ và không gây thương tích nên anh O từ chối đi giám định thương tích và không đề nghị bồi thường dân sự nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hành vi nêu trên của bị can B.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 296/2019/HS-ST ngày 25 tháng 09 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168; điểm s (*thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải*) khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo;

+ Xử phạt: Bị cáo Mai Văn A 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/7/2018.

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn B 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/7/2018.

Xử phạt Nguyễn Bá K, Phạm Văn L mỗi bị cáo 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02 và 04/10/2019, các bị cáo Mai Văn A và Nguyễn Văn B kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Mai Văn A và Nguyễn Văn B giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các bị cáo đều thừa nhận mình có hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo A cho rằng chỉ yêu cầu bị hại viết giấy vay tiền với số tiền là 165 triệu đồng chứ không phải là 200 triệu đồng như bản án sơ thẩm. Bị cáo B khai mình không tát anh M, không ép buộc anh M viết giấy vay tiền đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của các bị cáo và quyết định mức hình phạt đối với hai bị cáo là phù hợp. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người bào chữa cho bị cáo Mai Văn A đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết bị cáo A khai chỉ yêu cầu bị hại viết giấy vay tiền với số tiền 165 triệu đồng, giấy vay tiền này bị cáo mang về nhà nghỉ cất giữ nhưng Cơ quan điều tra không tiến hành khám xét nơi ở của bị cáo nên không thu được giấy này. 02 giấy vay tiền ghi 200.000.000 đồng do anh Đ1 giao nộp, không đủ cơ sở chứng minh giấy này là giấy vay tiền viết ngày 11/7/2018. Ý thức chủ quan của bị cáo là đòi nợ và số tiền chiếm đoạt sau khi đối trừ thì bị cáo chỉ vi phạm khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn B nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về điều khoản áp dụng và tính chất, mức độ hành vi của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn B.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Hà Nội, người bào chữa, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị

cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Đơn kháng cáo của bị cáo Mai Văn A và Nguyễn Văn B gửi trong thời hạn luật định, được cấp phúc thẩm chấp nhận.

[2]. Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo Mai Văn A khai chỉ yêu cầu bị hại viết giấy vay 165.000.000 đồng chứ không phải 200.000.000 đồng như quy kết của bản án sơ thẩm; bị cáo đã mang giấy đó về phòng trọ nhưng hiện nay không biết ở đâu, bị cáo cho rằng mình chỉ chiếm đoạt của bị hại 165.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm người bị hại đều khai các bị cáo bắt viết giấy vay tiền 200.000.000 đồng và mượn 01 xe SH, bị cáo A có rất nhiều lời khai thể hiện đã yêu cầu bị hại viết giấy vay 200.000.000 đồng; lời khai này phù hợp với lời khai của các bị cáo Nguyễn Bá K, Phạm Văn L về việc A bắt bị hại viết giấy vay 200.000.000 đồng phù hợp với các giấy vay tiền do bị hại viết, có chữ ký của A, L và bị hại đã được Cơ quan điều tra đã thu giữ. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận lời khai của bị cáo cũng như ý kiến của người bào chữa cho bị cáo.

Lời khai của các bị cáo Mai Văn A và Nguyễn Văn B tại phiên tòa phúc thẩm cơ bản phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Do có quan hệ quen biết nên trong thời gian từ tháng 5/2018 đến tháng 6/2018, anh Nguyễn Văn M đã nhiều lần vay của Mai Văn A tổng số tiền khoảng 70.000.000 đồng. Do thấy anh M vay tiền không trả nên khoảng 14 giờ ngày 11/7/2018, A gọi điện thoại cho anh M hẹn gặp tại cổng Công viên TĐBS ở trên đường LTT thuộc xã AK, huyện HĐ, Hà Nội để đòi nợ. Sau đó, A đã rủ Nguyễn Văn B, Nguyễn Bá K và Phạm Văn L đi cùng để buộc anh Nguyễn Văn M phải trả tiền. Khoảng 15 giờ ngày 11/7/2018, A cùng B, K và L gặp anh M tại quán bán hàng nước của bà Nguyễn Thị Q thuộc khu vực cổng Công viên TĐBS. Tại đây, A yêu cầu M phải trả tiền nhưng anh M chưa có thì bị B tát một cái vào mặt. A đã cùng K và L dùng chân tay đánh đập vào người và lôi anh M lên xe ô tô đưa đi lên thị trấn QO, huyện QO với mục đích để tìm địa điểm cho thuê xe ô tô để buộc anh M phải thuê xe ô tô rồi đem đi đặt xe ô tô lấy tiền trả nợ cho A. Do anh M không có bằng lái xe nên không ai cho thuê xe ô tô. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, B cùng A, K và L tiếp tục thuê xe ô tô đưa anh M về quán Lẩu nướng Hải sản của gia đình chị Phạm Thị H1 ở thôn NC, xã VC, huyện HĐ, thành phố Hà Nội để tiếp tục đòi nợ. Khi thấy gia đình anh M không lo được tiền trả nên A, B, K và L đã bắt anh Nguyễn Văn M phải viết một Giấy cho vay tiền với số tiền là 200.000.000 đồng và 01 Giấy mượn xe SH để chiếm đoạt tiền của anh Nguyễn Văn M, sau đó A cùng đồng bọn cho anh M về.

Như vậy, các bị cáo đã có hành vi đánh, tát, đấm, đá, bắt ép anh M lên xe taxi đưa đến QO và HĐ; khống chế ép buộc anh M phải viết giấy vay tiền và mượn xe máy trái với ý trí của anh M. Hành vi lợi dụng đông người dùng vũ lực, tấn công, đe dọa người khác được các bị cáo thực hiện liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian làm người bị hại sợ hãi, phải thực hiện theo yêu cầu của các bị cáo phải viết giấy vay số tiền 200.000.000 đồng đủ yếu tố cấu thành tội Cướp tài sản quy định tại điểm a khoản 3 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Mặc dù người bị hại có việc vay tiền bị cáo A nhưng đó là quan hệ dân sự. Pháp luật không cho phép các bị cáo dùng vũ lực ép bị hại phải viết giấy vay tiền trái ý muốn của họ nhằm chiếm đoạt tài sản. Do đó không có cơ sở chấp nhận ý kiến của người bào chữa cho bị cáo A tại phiên tòa.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản và sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ. Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại cũng có lỗi một phần do vay tiền của bị cáo A nhưng đây đưa không trả; các bị cáo chưa chiếm đoạt được tài sản của bị hại. Từ đó, xem xét áp dụng điểm s (*thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải*) khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp.

Đây là vụ án có đồng phạm nên đã được Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá vị trí vai trò của từng bị cáo. Xác định bị cáo Mai Văn A là người giữ vai trò chính, chủ động khởi xướng, tích cực trong việc đánh, ép bị hại viết giấy vay tiền để quyết định xử phạt bị cáo 11 năm tù là có căn cứ. Đối với bị cáo Nguyễn Văn B có mối quan hệ anh em họ với bị cáo A được A rủ đi cùng để đòi tiền nên tham gia với vai trò người giúp sức; nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhất thời phạm tội. Do đó có căn cứ áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo B, giảm một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Mai Văn A kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm hình sự; bị cáo Nguyễn Văn B kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

Vì các lẽ trên.

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Mai Văn A; chấp nhận kháng cáo của

bị cáo Nguyễn Văn B. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 296/2019/HS-ST ngày 25 tháng 09 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168; điểm s (*thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải*) khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Mai Văn A 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/7/2018.

2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168; điểm s (*thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải*) khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn B 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/7/2018.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn B không phải chịu án phí phúc thẩm; bị cáo Mai Văn A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật ngay sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Hồng Phúc

Thái Duy Nhiệm

Vũ Thị Thu Hà

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Trại tạm giam - Công an TP Hà Nội;
- Các bị cáo (qua TTG);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà